

한국어교육센터

Trung Tâm Đào Tạo Tiếng Hàn Trường Đại học Yeonsung

연성대학교
한국어교육센터
2025~2026년도 모집요강

Trường Đại học Yeonsung
Trung Tâm Đào Tạo Tiếng Hàn
Hướng dẫn dành cho thí sinh đăng ký năm
2025~2026



Chúng tôi cung cấp chương trình giáo dục tiếng Hàn phù hợp với trình độ và nhu cầu của học viên

6

GRADE

Chúng tôi cung cấp chương trình giáo dục tiếng Hàn tối ưu nhất, từ sơ cấp đến trung cấp, cao cấp (cấp 1-6), phù hợp với trình độ và nhu cầu của học viên. Với chương trình đào tạo được biên soạn, liên tục cải tiến, đa dạng hóa và chuyên môn hóa trong giáo dục tiếng Hàn. Ngoài ra, với đội ngũ giáo viên giảng dạy đầy kinh nghiệm và chương trình hiệu quả, hỗ trợ học viên nhanh chóng thích nghi với văn hóa Hàn Quốc.



Chào mừng bạn
đến với

Trung Tâm Đào Tạo Tiếng Hàn
Trường Đại học Yeonsung

YEONSUNG
University
Korean Language
Education Center



10

WEEK

1 năm 4 học kỳ
1 học kỳ 10 tuần
Mỗi ngày học 4 tiếng x 5 ngày
Trong tuần sẽ có 20 tiếng học
Chương trình học được cung cấp
phù hợp với nhu cầu học viên.



20

PEOPLE

Lớp học được tổ chức với 20 học viên. Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn trong giảng dạy tiếng Hàn sẽ cung cấp nội dung đào tạo có hệ thống, phù hợp với trình độ và nhu cầu của học viên. Chúng tôi triển khai chương trình giáo dục tiếng Hàn đa dạng và chất lượng.



Giới thiệu trung tâm giáo dục tiếng Hàn

Tổng quan	- Hệ thống 1 năm 4 kỳ (học kỳ mùa xuân/Học kỳ mùa hạ/học kỳ mùa thu/ học kỳ mùa đông). - Các lớp từ cấp 1 đến cấp 6, sơ cấp, trung cấp, cao cấp - Lớp riêng dành cho luyện thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK). - Các hoạt động giúp học sinh thích nghi với văn hóa Hàn Quốc giáo dục pháp luật, trải nghiệm văn hóa và tư vấn định kỳ.
-----------	---

Thời gian học và số lượng học viên	Thời gian học	Thời gian học trên tuần	Thời gian học 1 kỳ	Số lượng học viên tối đa mỗi lớp
	10 tuần	20 tiếng (Ngày 4 tiếng X 5 ngày)	200 tiếng	Khoảng 20 học viên

Lịch học	Học kỳ	Thời gian	Ghi chú
	Học kỳ đông 2025	15/12/2025 ~ 27/02/2026	Trừ Giáng sinh và Tết Nguyên đán
	Học kỳ xuân 2026	16/03/2026 ~ 22/05/2026	Trừ Ngày Thiếu nhi và các hoạt động trải nghiệm văn hóa
	Học kỳ hè 2026	15/06/2026 ~ 28/08/2026	Trừ các ngày nghỉ của trường và Ngày Quốc khánh
	Học kỳ thu 2026	14/09/2026 ~ 26/11/2026	Trừ Tết Trung thu, Ngày Quốc khánh, Ngày Hangeul, trải nghiệm văn hóa
	Học kỳ đông 2026	14/12/2026 ~ 26/02/2027	Trừ Giáng sinh, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán

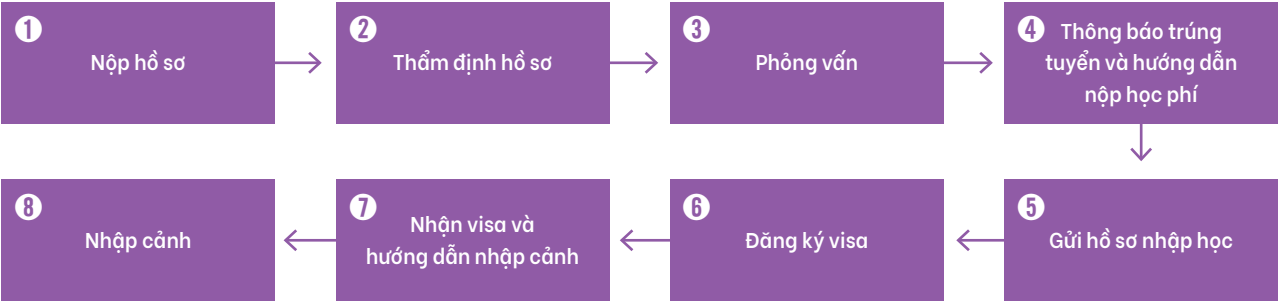
※ Trừ Giáng sinh, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán

Lịch tuyển sinh	Học kỳ	Thời gian nhận hồ sơ	Phỏng vấn
	Học kỳ đông 2025	15/09/2025 ~ 26/09/2025	29/09/2025 ~ 02/10/2025
	Học kỳ xuân 2026	15/12/2025 ~ 26/12/2025	06/01/2026 ~ 09/01/2026
	Học kỳ hè 2026	16/03/2026 ~ 27/03/2026	31/03/2026 ~ 03/04/2026
	Học kỳ thu 2026	15/06/2026 ~ 26/06/2026	30/06/2026 ~ 03/07/2026
	Học kỳ đông 2026	14/09/2026 ~ 28/09/2026	29/09/2026 ~ 02/10/2026

※ Trừ Giáng sinh, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán

Hình thức xét tuyển

Quy trình đăng ký và nhập học



Đăng ký và tuyển chọn

Tư cách đăng ký

- 1. Người đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trung học phổ thông, hoặc được đánh giá có năng lực học tập tương đương.
- 2. Người mang quốc tịch nước ngoài và có thể đăng ký cư trú hợp pháp tại Hàn Quốc theo Luật Quản lý Xuất nhập cảnh.

Hồ sơ đăng ký cần công chứng các giấy tờ nộp kèm

Số	Hồ sơ/Tài liệu		Ghi chú	Bản dịch công chứng*
	Phân loại	Nội dung		
1	Mẫu của trường	(Mẫu trường) Đơn đăng ký nhập học	[Mẫu 1]	
2		(Mẫu trường) Bài giới thiệu bản thân và kế hoạch du học	[Mẫu 2]	
3		(Mẫu trường) Giấy cam kết tài chính du học	[Mẫu 3]	
		Giấy đồng ý cung cấp và sử dụng thông tin cá nhân	[Mẫu 4]	
4		Bản sao hộ chiếu của bản thân		
5		Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài	• chỉ dành cho người có thẻ	
6	Giấy tờ chứng minh thân phận và quan hệ gia đình	Bản sao giấy tờ tùy thân của cha mẹ	• hộ chiếu / giấy tờ tùy thân tại quốc gia đó / thẻ đăng ký người nước ngoài ở Hàn Quốc	
7		Giấy chứng nhận quan hệ gia đình giữa cha mẹ và học sinh (nếu cha mẹ ly hôn hoặc qua đời, nộp giấy tờ công chứng chứng minh)	• Giấy tờ do cơ quan chính phủ nước ngoài cấp, xác nhận quan hệ cha-con • Việt Nam: nộp cả Giấy chứng nhận quan hệ gia đình và Giấy khai sinh • Trung Quốc: Giấy chứng nhận quan hệ thân nhân hoặc hộ khẩu toàn gia đình	○
		8	Giấy chứng nhận xuất nhập cảnh • từ lúc sinh đến thời điểm đăng ký	• chỉ dành cho ứng viên cư trú tại Hàn Quốc
9	Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính	Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của người cam kết chi phí du học • Giấy chứng nhận công tác hoặc giấy chứng minh thu nhập, ...	• Nguyên tắc: Là của cha hoặc mẹ	○
10		Giấy chứng nhận số dư tài khoản • tên của bản thân hoặc người cam kết chi phí du học, từ 10.000.000 KRW trở lên	• Tiền phải được giữ từ ngày nộp đơn đến khi nhập học (người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc: chỉ giấy tờ cấp trong vòng 1 tháng tính từ ngày nộp đơn mới hợp lệ)	
11	Giấy tờ chứng minh học vấn	Bằng tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trung học phổ thông	• Bản gốc chứng nhận • Công chứng bản dịch (nếu không phải tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) và chọn 1 trong 3 cách xác thực ① Chứng thực Apostille ※ mất nhiều thời gian nên lưu ý chuẩn bị ② Chứng thực của Lãnh sự quán Hàn Quốc ③ Báo cáo xác nhận học vấn và bằng cấp Bộ Giáo dục Trung Quốc (chỉ dành cho người học tại Trung Quốc)	○
12		Bảng điểm toàn bộ quá trình học trung học phổ thông (học bạ cấp 3)		
13	Khác	5 ảnh thẻ màu (3,5 x 4,5 cm)	chụp trong 3 tháng gần đây (không được in ra bằng giấy)	

Tiêu chí tuyển chọn

①	②	③	④	⑤
Người đã vượt qua quy trình xét duyệt	Người có mục tiêu học tiếng Hàn rõ ràng.	Người không có vấn đề về nhập cảnh và cấp visa.	Người được đánh giá có khả năng tài chính đủ để đáp ứng chi phí du học	Người được đánh giá có năng lực học tập phù hợp.

Nộp học phí

Học phí khóa chính quy(KRW)

Tổng học phí khóa học tiếng Hàn					Tổng cộng
Phí xét tuyển	Học phí	Bảo hiểm	Giáo trình	Chi phí trải nghiệm văn hóa	
-	1.200.000 won x 4 học kỳ	1 năm	1 năm 70000 won x 4 học kỳ	1 năm 2 lần	5,380,000
50,000	4,800,000	150,000	280,000	100,000	

- ※ Việc nộp tiền phải bằng tên người học. Trường hợp nộp bằng tên cha mẹ, bắt buộc nộp kèm giấy tờ chứng minh quan hệ với người nộp.
- ※ Hoàn tiền do từ chối cấp visa hoặc các trường hợp khác sẽ được thực hiện theo quy trình riêng (tuy nhiên, phí xét tuyển không được hoàn lại).
- ※ Phí bảo hiểm và phí giáo trình có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

Trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc

Mục đích	Không chỉ học tiếng Hàn trong lớp học, mà còn cung cấp các chương trình trải nghiệm văn hóa đa dạng để học sinh hiểu và cảm nhận thực tế cuộc sống tại Hàn Quốc, đáp ứng nhu cầu học tập về ngôn ngữ và văn hóa của học sinh.
Nội dung chính	- Tham quan văn hóa Hàn Quốc: Tổ chức ít nhất 2 lần/năm cho tất cả học viên khóa tiếng Hàn, bao gồm tham quan các địa danh văn hóa nổi tiếng, xem biểu diễn nghệ thuật và các chương trình trải nghiệm văn hóa khác. - Hoạt động sau giờ học: Tổ chức ít nhất 2 lần/năm cho học viên khóa tiếng Hàn các chương trình trải nghiệm sau giờ học đa dạng, như: Làm món ăn Hàn Quốc (K-Food), Trải nghiệm văn hóa đẹp Hàn Quốc (K-Beauty), Trải nghiệm trà đạo (Dado)

Thời khóa biểu Trung tâm Giáo dục Tiếng Hàn

Thứ	Thời gian	Đối tượng	Ghi chú
Thứ Hai ~ Thứ Sáu (5 ngày)	Sáng: 09:00 ~ 12:50 Chiều: 13:30 ~ 17:20	Áp dụng cho toàn bộ quá trình đào tạo	Vận hành lớp sáng và lớp chiều

Các mục khác

- Theo quy định của Bộ Tư pháp Hàn Quốc, nếu không được cấp visa du học cần thiết (ví dụ: từ chối thay đổi visa), Tư cách nhập học của ứng viên sẽ bị hủy.
- Nếu không nộp học phí trong thời hạn quy định, Giấy báo trúng tuyển ứng viên sẽ bị hủy.
- Nếu hồ sơ nộp không đúng sự thật hoặc bị phát hiện giả mạo, quyền nhập học của ứng viên sẽ bị hủy.
- Trường hợp không được cấp visa du học trước khi khai giảng hoặc do tình huống bất khả kháng không thể nhập học, học phí sẽ được hoàn trả (trừ phí xét tuyển).
- Khi hoàn tiền, phí chuyển tiền quốc tế sẽ do ứng viên chịu, trường không thể hỗ trợ.
- Nếu hủy đăng ký sau khi khai giảng vì lý do cá nhân, học phí sẽ được hoàn trả theo quy định của Trung tâm Giáo dục Tiếng Hàn, Đại học Yeonsung.
- Hồ sơ nộp sẽ không được trả lại.

Cách thức nộp hồ sơ và nơi nộp hồ sơ

Cách thức nộp hồ sơ	Nộp qua email: Quét tất cả các giấy tờ thành một file nén duy nhất và gửi đến email được chỉ định. Sau đó: Gửi bản gốc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại nơi tiếp nhận.
Nơi nộp hồ sơ	- Tiếp nhận : Trung tâm Giáo dục Tiếng Hàn, Đại học Yeonsung - Điện thoại : +82-31-441-1165 (hoặc 1157) - Địa chỉ : 34, Yanghwa-ro 37beon-gil, Maman-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do, 14011, Hàn Quốc 34, Yanghwa-ro 37beon-gil, Maman-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do, 14011, Korea - E-mail : ckwltks@yeonsung.ac.kr

연성대학교 한국어교육센터 입학지원서

Application for Admission



I. 지원자 개인 정보 Personal Information						
성명 Name	한글 Korean	성별 Gender	☐ 남 Male ☐ 여 Female		여권용 사진 (Photo) (35mm X 45mm)	
	영어 English	국적 Nationality				
생년월일 Date of Birth		여권번호 Passport No.				
메일주소 E-mail		전화번호 Phone No.	집전화 Telephone			
신분증번호 Identification NO.			휴대전화 CellPhone			
현재 주소 Current Mailing Address						
II. 교육 Education Background						
구분 Classify	학교명 Name of School	학교주소 School Address	전공 Major	재학기간 Period of Attendance		
고등학교 High School				~		
대학교 University				~		
III. 입학 희망 학기 Study Plan						
입학연도 Year	20	☐ 봄 Spring	☐ 여름 Summer	☐ 가을 Fall	☐ 겨울 Winter	
IV. 한국어능력 Korean Language Proficiency						
한국어 Korean	숙련도 Proficiency (能力)					
	☐ 못 함 Poor	☐ 보통 Fair	☐ 잘 함 Good	☐ 매우 잘 함 Excellent		
교육 경험 Previous Study of Korean	교육기관 Institute : 기간 YYYY/MM :					
V. 가족 Family						
관계 Relationship	이름 Full Name	나이 Age	직업 Occupation	한국입국여부 History of Entrance to Korea	한국체류여부 Reside in Korea Yes/No	연락처 Phone Number
VI. 신원보증인 Sponsor						
성명 Name in Full		전화번호 Phone No.				
주소 Address						
입학지원서상의 모든 내용이 사실임을 확인합니다. I confirm that all information in my application is complete and correct. 지원 날짜 Date 20 . . . 지원자 서명 Applicant's Signature						



자신의 성장과정과 가족환경에 대해 기술하세요.

Describe yourself and your family.

지원동기와 입학 후 학업계획, 향후 진로 계획에 대해 기술하세요.

Describe the motivation for your application, rough study plan, and future plan.

어학 능력 성적과 어학 관련 교육을 받은 경험을 자세하게 기술하세요.

Describe your language proficiency scores and language learning experiences.

유학계획서를 자세하게 기술하세요

Describe your study plan in detail.

재정보증인의 유학경비부담 보증서

Sponsor's Financial Affidavit for Applicant's Studying in Korea



지원자 Applicant	성명(한글) Name(Korean)		성명(여권) Name(on Passport)	
	국적 Nationality		여권번호 Passport No.	
	전화번호 Phone No.		성별 Gender	☐ 남 Male ☐ 여 Female
	현주소 Current Address			
보증인 Sponsor	성명(한글) Name(Korean)		성명(여권) Name(on Passport)	
	지원자와의 관계 Relationship with Applicant		국적 Nationality	
	주민등록번호 Identification No.		성별 Gender	☐ 남 Male ☐ 여 Female
	전화번호 Phone No.			
	현주소 Current Address			
	회사명 Company		근무부서 Department	
	회사주소 Address			
	직책 Title		회사전화 Phone No.	

본인은 상기 지원자의 유학 기간 중 일체의 경비 부담을 서약합니다.

I hereby guarantee that I will pay all the expenses for the above applicant during his/her study in Korea.

날짜 Date 20 . .
보증인 Sponsor Signature

Personal Information Collection·Usage·Third-Party Disclosure Consent

연성대학교 한국어교육센터에서는 외국인전형 입학원서 접수 및 전형을 위해 귀하의 개인정보를 아래와 같이 수집·이용 및 제3자 제공을 하고자 합니다. 다음의 사항에 대해 충분히 읽어보신 후, 동의 여부를 체크, 서명하여주시기 바랍니다.

Yeonsung University Korean Language Education Center intends to collect, use, and disclose your personal information to a third-party as stated below for international students' applications and admissions. Please read the articles below carefully, then check either the 'agree' or 'disagree' box and leave your signature.

— 귀하께서는 개인정보 제공 및 활용에 거부할 권리가 있습니다.

You have the right to refuse the collection and usage of your personal information.

— 거부에 따른 불이익 : 위 제공사항은 외국인 입학전형에 필수적인 항목이므로 거부 시 입학원서 접수에 제한됩니다.

Consequences of Refusal : The items above are required for international students' admissions, so disagree will restrict your application.

1. 개인정보 수집 및 이용 동의[필수]

Consent to Personal Information Collection and Usage [Required]

수집·이용하려는 개인정보의 항목 Items of Personal Information For Collection and Use	개인정보의 수집·이용 목적 Purpose of Collecting Personal Information	개인정보 이용기간 및 보유기간 Duration to Retain and Use Personal Information
이름, 국적, 생년월일, 성별, 주소, e-mail, 연락처, 휴대전화 번호, 고교기록, 가족관계증명서, 예금잔고증명서, 최종학력증명서, 성적증명서, 한국어능력증명서(보유자만), 재직증명서(부모님), 소득증명서, 사진, 여권번호, 외국인 등록번호 Name, Nationality, Date of Birth, Gender, Address, E-mail, Contact & Mobile Phone Number, High School Records, Family Relation Certificate, Bank Balance Certificate, Highest Academic Certificate, Transcript, Proficiency in Korean Certificate(Holders only), Proof of Employment(Parent), Proof of Income, Photo, Passport Number, Foreigner Registration Number	외국인 입학 및 관리 Admission and Management of International Students	준영구 Semi-permanent

2. 개인정보의 제3자 제공동의 [필수]

Consent to Personal Information Disclosure to a Third-Party [Required]

개인정보를 제공받는 자 Parties Receiving Personal Information	수집·이용하려는 개인정보의 항목 Items of Personal Information For Collection and Use	개인정보의 수집·이용 목적 Purpose of Collected Personal Information	개인정보 이용기간 및 보유기간 Duration to Retain and Use Personal Information
법무부, 보험사, 여행사 Ministry of Justice, Insurance Company, Travel Agency	이름, 국적, 생년월일, 성별, 주소, 연락처, 휴대전화 번호, 여권번호, 외국인등록번호, 이메일, 사진 Name, Nationality, Date of Birth, Gender, Address, Contact & Mobile Phone Number, Passport Number, Foreigner Registration Number, Email, Photo	외국인 입학 및 관리 Admission and Management of International Students	준영구 Semi-permanent

☐ 동의함(Agree)

☐ 동의하지 않음(Disagreement)

본인은 본 “개인정보의 수집·이용 및 제3자 제공동의서” 내용을 읽고 명확히 이해하였으며, 이에 동의합니다

I have read and fully understood the “Personal Information Collection·Usage·Third Party Disclosure Consent Form,” and hereby agree to its terms





Trung tâm Giáo dục Tiếng Hàn, Đại học Yeonsung

34, Yanghwa-ro 37beon-gil, Maman-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do,
14011, Hàn Quốc

T. 031-441-1157 E.ckwlts@yeonsung.ac.kr



Trang chủ
Trường Đại học
Yeonsung



Trang chủ
Viện Hợp tác
Quốc tế



Trang chủ
Trung tâm Đào
tạo Tiếng Hàn



Instagram của
Viện Hợp tác
Quốc tế



연성대학교
YEONSUNG UNIVERSITY